

Số: 54/2026/QĐST- HNGĐ

Tuyên Quang, ngày 02 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 69/2026/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2026 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con, giữa:

Nguyên đơn: Chị Hụn Thị X, sinh năm 1980; Căn cước công dân số: 002180006609; cấp ngày: 25/6/2021; nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội – Bộ C; nơi cư trú: Thôn Y, xã T, tỉnh Tuyên Quang.

Bị đơn: Anh Hoàng Văn G; sinh năm 1979; Căn cước công dân số: 002079006122; cấp ngày: 24/8/2021; nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội – Bộ C; địa chỉ: Thôn Y, xã T, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào khoản 3, 4 Điều 147, khoản 1, 2 Điều 212, khoản 1 Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 6; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 3 năm 2026.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 3 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

- Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Hụn Thị X và anh Hoàng Văn G.
- Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:
 - Quan hệ hôn nhân:** Chị Hụn Thị X và anh Hoàng Văn G tự nguyện thuận tình ly hôn.
 - Về nuôi con chung:** Anh Hoàng Văn G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc,

giáo dục con Hoàng Gia P, sinh ngày 03/12/2016 cho đến khi con Hoàng Gia P đủ 18 tuổi. Chị Hụn Thị X không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

c. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Hụn Thị X và anh Hoàng Văn G tự thoả thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

d. Về án phí: Chị Hụn Thị X chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 150.000^d (Một trăm năm mươi nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000548 ngày 20/03/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang. Chị Hụn Thị X được hoàn trả lại số tiền chênh lệch đã nộp là 150.000^d (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự. Ngoài ra, người có quyền lợi có liên quan trong quá trình thi hành án có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 7b của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;

- VKSND khu vực 5 – Tuyên Quang;

- Phòng THADS khu vực 5 – Tuyên Quang;

- Các đương sự;

- UBND xã Tiên Yên (nơi đã thực hiện việc đăng ký kết hôn);

- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hải Phương

